

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 10 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giảm điểm cuối phiên, Moody's xem xét điều chỉnh xếp hạng tín nhiệm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/10/2019		•	
Tuần 7/10-11/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hồi phục từ đà giảm nhẹ cuối phiên trước, VN-Index có mức tăng khả quan khi lực mua tập trung tại các mã bluechips như GAS, VCB, SAB trong phiên sáng. Tương tự như diễn biến hôm qua, sự phân hóa mạnh ở nhóm cổ phiếu Ngân hàng cũng như áp lực bán gia tăng tại PLX và HPG đã đẩy chỉ số lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản khớp lệnh ghi nhận mức giảm nhẹ. Nhìn chung tâm lý nhà đầu tư tiếp tục chịu tác động từ tín hiệu không rõ ràng của cuộc đàm phán Mỹ - Trung ngày hôm nay. **Bên cạnh đó, thị trường cũng phần nào bị ảnh hưởng bởi thông tin Moody's xem xét điều chỉnh xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam do những thiếu sót về thể chế, thể hiện cụ thể qua việc hoãn thanh toán một khoản nợ.**

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/10/2019, chỉ có 3/20 chứng quyền tăng giá trong khi chứng khoán cơ sở có duy nhất VRE là đóng cửa trên mốc tham chiếu. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí 0.8%. 6/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, có tới 8/16 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.0%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

Báo cáo ngắn: Moody's xem xét điều chỉnh xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam (Trang 5)

Phân tích kỹ thuật: PVS_Tín hiệu hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.45 điểm**, đóng cửa 987.38. HNX-Index **+0.53 điểm**, đóng cửa 105.16.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.46); VRE (+0.28); HVN (+0.27); VCB (+0.11); PME (+0.07).**
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.32); PLX (-0.31); NVL (-0.27); BID (-0.25); CTG (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,799 tỷ đồng**, **-1.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.96 điểm. Thị trường có 122 mã tăng, 77 mã tham chiếu và 171 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **81.30 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (77.92 tỷ), VHC (19.08 tỷ) và HPG (14.71 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **23.11 tỷ đồng**.

VN-INDEX

987.38

Giá trị: 2799.51 tỷ

-0.45 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -81.3 tỷ

HNX-INDEX

105.16

Giá trị: 340.11 tỷ

0.54 (0.52%)

Khối ngoại (ròng): -23.11 tỷ

UPCOM-INDEX

56.60

Giá trị: 190.11 tỷ

-0.02 (-0.04%)

Khối ngoại(ròng): 5.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.7	0.21%
Giá vàng	1,508	0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,201	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,480	-3.65%
Tỷ giá JPY/VND	21,597	0.05%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	8.63%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-1.88%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	24.8	VIC	78.2
VRE	21.3	VHC	19.1
BID	12.7	HPG	14.7
ROS	11.5	POW	10.3
KBC	7.7	VNM	8.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Báo cáo ngắn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Bạn không có thời gian để đầu tư
 * Bạn băn khoăn với biến động thị trường
 * Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*6/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, có tới 8/16 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.0%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **6/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.8%	-0.6%	0.7%	-7.3%	-6.0%	-13.8%	9.6%
Chiến tranh thương mại	0.7%	-0.9%	-0.2%	-6.9%	-6.2%	-6.4%	7.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	-3.7%	5.0%	-8.3%	-12.8%	-19.7%	41.2%
Xây dựng	0.2%	-1.2%	4.4%	-0.5%	-7.8%	-11.4%	31.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.2%	-0.1%	4.5%	-0.3%	-4.4%	-10.1%	-4.3%
Lãi suất giảm	0.1%	-0.6%	4.1%	-1.1%	-1.5%	0.8%	56.0%
Ngân hàng	0.0%	0.1%	8.9%	12.6%	9.9%	3.1%	83.7%
Hàng tiêu dùng	0.0%	-0.2%	3.9%	6.8%	7.6%	6.2%	64.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-0.9%	0.6%	0.1%	-2.1%	3.1%	79.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	-0.3%	7.6%	6.4%	2.8%	-5.6%	37.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	-2.1%	4.4%	5.0%	6.8%	2.5%	72.5%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	0.6%	4.9%	1.6%	2.7%	-1.8%	6.1%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.2%	-1.0%	1.8%	2.0%	0.9%	-0.4%	61.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	-2.2%	-0.3%	-7.4%	-1.4%	7.7%	47.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	-1.8%	4.9%	7.9%	8.7%	-0.5%	78.9%
Nước & Năng lượng	-0.9%	-1.6%	0.0%	-5.2%	-0.1%	4.1%	56.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 3	0.5%	-0.1%	3.5%	2.6%	-1.3%	-8.9%	27.0%
Danh mục 6	0.0%	-1.1%	1.4%	6.6%	11.9%	9.5%	97.3%
Danh mục 17	0.0%	-0.3%	3.8%	1.3%	-0.3%	8.0%	130.8%
Danh mục 1	-0.5%	-0.5%	5.7%	10.3%	11.4%	5.2%	75.6%
Danh mục 11	-0.7%	-1.4%	2.2%	-1.1%	-5.1%	-7.3%	80.8%

* Note **6/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	0.6%	0.1%	3.8%	5.5%	10.0%	25.1%	177.4%
Danh mục 24	0.3%	-0.3%	4.3%	7.0%	10.1%	2.6%	69.8%
Danh mục 22	0.0%	-0.3%	6.2%	14.0%	15.7%	6.8%	78.8%
Danh mục 19	-0.4%	0.3%	5.6%	9.5%	10.9%	12.1%	62.1%
Danh mục 20	-0.5%	1.7%	3.4%	2.0%	2.3%	4.7%	19.3%

7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.0%	-0.5%	1.8%	1.2%	0.5%	-0.7%	46.5%
VN30INDEX	-0.2%	-0.9%	3.1%	3.9%	2.2%	-5.6%	38.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

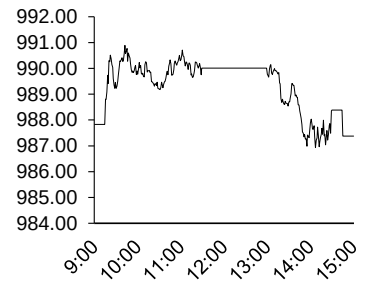
BSC RESEARCH

10/10/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

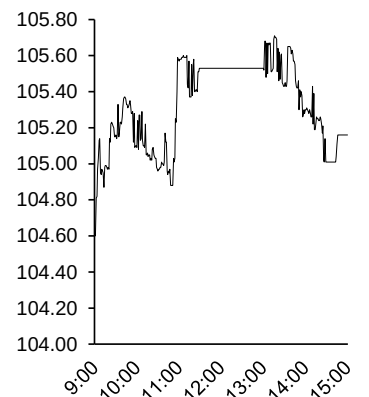
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.2%
Y tế	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.6%
Bảo hiểm	0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Hóa chất	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Viễn thông	0.0%
Bán lẻ	0.0%
Ngân hàng	-0.1%
Bất động sản	-0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%
Truyền thông	-0.8%
Dầu khí	-1.0%
Tài nguyên Cơ bản	-1.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PVS_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD tuy nằm dưới đường tín hiệu nhưng đã có tín hiệu đảo chiều.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ vùng bán quá.

Nhận định: Cổ phiếu PVS đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng đáy 33.4. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong hai phiên giao dịch gần nhất, cho thấy tín hiệu khởi đầu của xu hướng tăng giá. Chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu hồi phục sau khi gần chạm vùng bán quá trong khi chỉ báo MACD cho thấy tín hiệu đảo chiều sang xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng trong trung hạn chưa hình thành. Như vậy, PVS có thể trở về ngưỡng giá 21-22 khi cổ phiếu vượt qua ngưỡng giá 19.5 với lượng thanh khoản giao dịch lớn. Nếu không, cổ phiếu sẽ tiếp tục vận động tích lũy trong vùng giá 18-20.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo tổng doanh thu hợp nhất của HVN năm 2019 là 101,204 tỷ đồng (+3.7% YoY). Với giá định giá Jet A1 bình quân 2019 khoảng 78-79 USD/thùng (-7% YoY), chúng tôi ước tính HVN sẽ ghi nhận EBITDAR 2019F = 27,321 tỷ đồng (tương ứng EV/EBITDAR fw= 3.3). LNST 3,419 tỷ (+49.8% YoY) với ước tính chi phí tài chính ròng trong năm 1,154 tỷ (-54% YoY), EPS 2019F = 2,410 đồng/CP, P/E fw = 16.7 lần.

Catalyst

Chuyển sàn sang HOSE: dự kiến thực hiện trong quý 2/2019. Kế hoạch thoái vốn nhà nước: Theo quyết định 1232/2017/QĐ-TTg, tỷ lệ vốn nhà nước tại HVN sẽ giảm về 51% vào năm 2019 (tương đương với tỷ lệ thoái 35.19%).

Cập nhật KQKD

(1) Lợi nhuận sau thuế năm 2018 sụt giảm mạnh chủ yếu do việc thanh lý mảng kinh doanh khảo sát địa chấn (2D 3D). (2) Giải thể *mảng khảo sát địa chấn* ghi nhận mức lỗ nặng ảnh hưởng đến KQKD năm 2018. Cụ thể, DT 2018 của mảng này đạt 830 tỷ đồng (-21.4% yoy), lợi nhuận gộp ghi nhận mức lỗ -376 tỷ đồng so với mức lỗ -106 tỷ đồng năm 2017. (3) *Mảng dịch vụ tàu*: DT 2018 là 1,829 tỷ đồng (-2.7%yoy), LNG 2018 là 133 tỷ đồng (-28%yoy, chiếm tỷ trọng 12% tổng LNG PVS), biên LNG 2018 đạt 7.2%, giảm so với năm 2017 (9.0%) và 2016 (12.3%).

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: PVS 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 09/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 10/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.65	-1.77%	-1.35%	-9.53%	-29.03%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.30	-1.60%	-0.12%	-7.63%	-30.65%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.57	-1.04%	1.83%	-1.07%	-22.11%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1517.72	0.65%	1.24%	2.18%	27.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.88	0.91%	1.82%	-0.75%	25.34%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	921.35	-0.08%	0.75%	7.14%	8.02%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	501.25	0.20%	2.51%	3.46%	-1.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.71	0.59%	1.91%	2.80%	18.79%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.90	0.27%	-1.45%	-9.92%	-5.31%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.41	-0.40%	-3.72%	14.06%	-3.42%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	0.00%	-1.90%	-8.04%	-10.95%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	95.35	-0.37%	-5.12%	-2.95%	-14.70%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	0.00%	0.08%	-1.80%	-7.42%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3632.00	-0.47%	-0.47%	-3.53%	-23.62%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1751.50	0.32%	0.66%	-2.64%	-14.44%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	0.00%	0.00%	2.20%	32.86%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.42	-0.33%	1.60%	-0.01%	-36.32%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent tăng 8 US cent lên 58.32 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 4 US cent xuống 52.59 USD/thùng.
- Giá dầu tăng sau khi Tổng thống Tayyip Erdogan cho biết, Thổ Nhĩ Kỳ đã phát động một chiến dịch quân sự chống lại các máy bay chiến đấu của người Kurd tại khu vực đông bắc Syria, thêm vào đó là cuộc tấn công nhằm mục đích loại bỏ một "hành lang khủng bố" dọc biên giới Thổ Nhĩ Kỳ.
- Tuy nhiên, giá dầu chịu áp lực giảm do dự trữ dầu thô Mỹ trong tuần trước tăng 2.9 triệu thùng, hơn gấp đôi so với tăng 1,4 triệu thùng dự kiến của các nhà phân tích, Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết. Đồng thời sản lượng dầu thô Mỹ tăng lên mức cao kỷ lục 12.6 triệu thùng/ngày trong tuần trước đó.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,507.52 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.6% lên 1,512.8 USD/ounce.
- Vàng tăng khi dự kiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ cắt giảm lãi suất, sau biên bản cuộc họp chính sách trong tháng 9/2019 của Ngân hàng Trung ương được công bố, song kỳ vọng về 1 thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung đã hạn chế đà tăng giá vàng.

Giá thép

- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.1% xuống 3,390 CNY (474.81 USD)/tấn, trong phiên có lúc giảm 0.4% xuống 3,413 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng giao cùng kỳ hạn giảm 0.2% xuống 3,428 CNY/tấn. Trong khi đó, giá thép không gỉ kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 0.2% lên 15,675 CNY/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2.9% xuống 639 CNY/tấn, rời khỏi chuỗi tăng 5 phiên liên tiếp.
- Giá thép tại Trung Quốc giảm phiên thứ 2 liên tiếp do thị trường bất động sản chậm lại đè nặng lên triển vọng nhu cầu, trong khi dự trữ thép tăng cũng gây áp lực giá. Doanh số bán bất động sản tại Bắc Kinh trong tuần nghỉ lễ từ 1-7/10/2019 giảm, với doanh số bán nhà mới chạm mức thấp nhất kể từ năm 2014. Đồng thời dự trữ thép tại Trung Quốc đạt 11.4 triệu tấn tính đến ngày 7/10/2019, tăng 594.100 tấn so với tuần kết thúc ngày 26/9/2019, công ty tư vấn Mysteel cho biết.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn ICE giảm 0.25 US cent tương đương 0.3% xuống 95.45 US cent/lb, trong phiên có lúc chạm 95.05 US cent/lb, thấp nhất kể từ ngày 6/9/2019. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 trên sàn London giảm 1 USD tương đương 0.1% xuống 1,258 USD/tấn, gần mức thấp nhất 9 năm (1,250 USD/tấn) đạt được trong ngày 7/10/2019.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.05 US cent xuống 12.41 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn London tăng 1.1 USD tương đương 0,3% lên 342.7 USD/tấn.

Giá cao su

- Trên sàn TOCOM, giá cao su kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1 JPY (0.0093 USD) xuống 158 JPY/kg. Giá cao su TSR20 kỳ hạn tháng 4/2020 ở mức 148.9 JPY/kg. Trong khi đó, trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 15 CNY (2.1 USD) lên 10,570 CNY/tấn. Giá cao su TSR20 tăng 70 CNY lên 9,770 CNY/tấn.

Moody's xem xét điều chỉnh xếp hạng tín nhiệm Việt Nam

Ngày 10/09, tổ chức xếp hạng tín dụng Moody cho biết họ đang đánh giá lại xếp hạng Ba3 của Việt Nam và cân nhắc hạ mức điểm tín dụng xuống. Họ đã đưa ra đánh giá này sau khi nhận được tin tức một vài khoản thanh toán trả nợ của chính phủ đang bị trì hoãn. Tổ chức này dự kiến sẽ hoàn thành đánh giá xếp hạng trong ba tháng tới.

Moody cho biết, dựa trên thông tin hiện có, chưa có khoản lỗ hoặc mới chỉ có khoản lỗ tối thiểu đối với các chủ nợ. Nhưng hiện tượng này có thể cho thấy hệ thống tài chính Việt Nam không còn phù hợp với xếp hạng Ba3 và cần phải đánh giá lại.

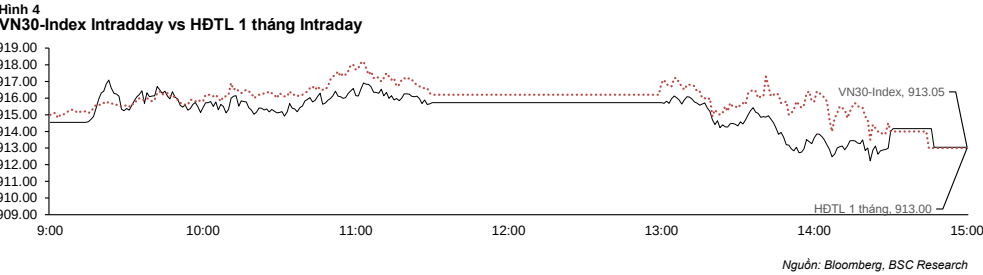
Với dự trữ ngoại hối lớn và các yêu cầu tài chính ở mức thấp, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bản đánh giá sắp tới sẽ kiểm tra xem liệu những điểm yếu về thể chế tài chính của Việt Nam có dẫn tới khả năng các khoản thanh toán tương lai có bị trì hoãn hoặc bỏ lỡ. Trong thời gian xem xét, Moody sẽ làm rõ thêm về hiệu quả của các biện pháp và quy trình mà chính phủ Việt Nam đã đưa ra để đảm bảo thanh toán đầy đủ và kịp thời tất cả các nghĩa vụ.

Do hạng tín dụng của Việt Nam đang bị đánh giá lại, một số ngân hàng đứng đầu cũng có thể bị giảm hạng tín dụng khi Moody chỉ cho phép mức điểm tín dụng cao nhất của ngân hàng trong một quốc gia ngang bằng với hạng mức tín dụng của quốc gia đó. Cụ thể là: **ACB, MBB, TCB, VCB**.

Hơn nữa, việc điểm tín dụng bị suy giảm sẽ khiến mức lãi suất của các nhóm trái phiếu hay các khoản CDS tăng mạnh lại do nhà đầu tư ngoài nước sẽ đòi hỏi mức lãi suất cao hơn với các khoản nợ vay rủi ro. Điều này có thể sẽ gây tác động tiêu cực với các nhóm doanh nghiệp, tổ chức hoặc cơ quan chính phủ đã và đang phát hành trái phiếu cho các nhà đầu tư ngoài nước. Đặc biệt là trong công đoạn quản lý dòng tiền của hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và các dự án trọng điểm.

Trong 3 tháng tới, Việt Nam có thể sẽ làm việc chặt chẽ với Moody để đảm bảo hạng tín nhiệm Ba3 của mình.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	913.00	-0.20%	-0.05	3.2%	76849	10/17/2019	7
VN30F1911	915.20	-0.14%	2.15	-19.7%	339	11/21/2019	42
VN30F1912	912.80	-0.02%	-0.25	37.5%	66	12/19/2019	70
VN30F2003	911.80	-0.18%	-1.25	-24.3%	28	3/19/2020	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 1.49 điểm xuống mức 913.05 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, NVL, MBB, STB và REE tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giữ giá trị trên mốc tham chiếu từ phiên sáng đến đầu phiên chiều nhưng đã giảm nhẹ vào cuối phiên. Thanh khoản có chiều hướng giảm trong những phiên gần đây.
- Tất cả các HĐTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. VN30F1910 và VN30F1912 tăng về khối lượng giao dịch so với phiên trước đó, trong khi VN30F1911 và VN30F2003 lại giảm. Xét về vị thế mở, hầu hết các hợp đồng đều có chiều hướng tăng, duy chỉ có VN30F1910 là giảm. Tình hình thị trường chung đang khá khó lường. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CFPT1903	SSI	12/30/2019	81	1:1	42,210	55.5%	2.0 triệu	20.11%	6,000	13,520	2.11%	11,748.90
CHPG1905	SSI	12/30/2019	81	1:1	56,560	113.4%	1.0 triệu	28.57%	3,300	2,140	0.94%	631.90
CMWG1902	VND	12/11/2019	62	4:1	38,160	415.7%	2.4 triệu	20.43%	2,990	9,080	0.33%	8,580.80
CMBB1902	HSC	12/17/2019	68	1:1	130,190	-40.1%	1.0 triệu	18.47%	3,200	4,040	0.00%	1,418.40
CMWG1906	MBS	12/16/2019	67	5:1	34,250	142.9%	3.0 triệu	20.43%	2,850	2,890	-0.34%	1,276.90
CREE1901	MBS	11/19/2019	40	3:1	121,710	86.4%	3.0 triệu	23.28%	1,260	1,390	-0.71%	631.30
CVHM1901	KIS	2/7/2020	120	4:1	2,910	-96.4%	5.0 triệu	27.22%	3,100	3,870	-0.77%	1,376.80
CSTB1901	KIS	1/9/2020	91	1:1	111,960	-50.8%	1.5 triệu	21.47%	1,390	1,630	-1.81%	481.20
CMWG1903	HSC	12/30/2019	81	5:1	30,650	10.5%	2.0 triệu	20.43%	2,700	6,230	-2.50%	5,910.50
CMWG1904	SSI	12/30/2019	81	1:1	9,830	-30.2%	1.0 triệu	20.43%	14,000	36,620	-3.12%	34,544.60
CMSN1901	KIS	11/14/2019	35	5:1	76,010	-27.5%	1.8 triệu	22.77%	1,920	870	-3.33%	10.70
CDPM1901	KIS	1/9/2020	91	1:1	39,830	53.7%	1.5 triệu	26.57%	1,900	2,480	-3.50%	1,102.30
CFPT1904	MBS	11/19/2019	40	3:1	100,880	173.8%	3.0 triệu	20.11%	1,700	2,500	-3.85%	1,611.40
CNVL1901	KIS	2/7/2020	120	4:1	2,250	-86.2%	5.0 triệu	20.00%	1,900	2,530	-5.60%	721.70
CVIC1901	KIS	11/14/2019	35	5:1	93,510	-29.0%	2.0 triệu	20.89%	1,960	840	-5.62%	1.20
CVNM1901	KIS	12/13/2019	64	10:1	867,980	7.0%	5.0 triệu	18.83%	1,200	580	-6.45%	1.50
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	60	5:1	9,810	28.6%	1.5 triệu	20.43%	5,600	6,600	-7.04%	6,066.40
CVRE1901	KIS	11/14/2019	35	2:1	39,540	-14.1%	2.5 triệu	26.13%	1,900	700	-10.26%	0.90
CHPG1906	KIS	11/14/2019	35	2:1	477,260	587.6%	5.0 triệu	28.57%	1,500	300	-16.67%	0.50
CHPG1902	KIS	12/11/2019	62	5:1	884,430	215.1%	6.0 triệu	28.57%	1,000	110	-21.43%	0.01

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/10/2019, chỉ có 3/20 chứng quyền tăng giá trong khi chứng khoán cơ sở có sự duy nhất VRE là đóng cửa trên mốc tham chiếu.
- CHPG1902 và CHPG1906 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 21.43% và 16.67%, ở chiều hướng ngược lại, CFPT1903 tăng 2.11%. Thanh khoản thị trường tăng 41.54%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.
- Tất cả các chứng quyền đều duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	32.40	1.25	0.25
VPB	22.20	0.45	0.24
HDB	27.65	0.55	0.14
GAS	101.10	0.80	0.11
VCB	84.60	0.12	0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	21.5	-1.83	-0.92
NVL	61.3	-1.61	-0.52
MBB	22.8	-0.66	-0.29
STB	10.8	-0.92	-0.24
REE	37.8	-1.82	-0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1903	56,154	45,140	56,400
CHPG1905	93,300	23,100	21,500
CMWG1902	48,130	90,000	123,600
CMBB1902	26,300	21,800	22,750
CMWG1906	135,150	120,900	123,600
CREE1901	41,330	37,550	37,800
CVHM1901	102,288	89,888	88,500
CSTB1901	12,278	10,888	10,800
CMWG1903	25,800	95,000	123,600
CMWG1904	165,000	90,000	123,600
CMSN1901	98,488	88,888	77,000
CDPM1901	15,888	13,988	14,450
CFPT1904	57,100	52,000	56,400
CNVL1901	69,688	62,088	61,300
CVIC1901	150,688	140,888	116,900
CVNM1901	46,340	156,285	127,000
CMWG1905	122,000	94,000	123,600
CVRE1901	44,688	40,888	32,400
CHPG1906	31,088	28,088	21,500
CHPG1902	166,285	41,999	21,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.6	0.0%	0.7	2,379	1.7	7,893	15.7	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	79.1	0.0%	1.0	765	0.7	4,727	16.7	4.3	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	71.5	0.4%	1.3	2,179	0.4	1,505	47.5	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.6%	0.7	322	0.2	3,061	10.5	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	116.9	-0.1%	1.1	17,006	1.4	1,643	71.1	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.4	1.3%	1.1	3,281	4.4	1,033	31.4	2.7	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.3	-1.6%	0.8	2,480	1.0	3,579	17.1	2.8	7.3%	17.8%
REE	Bất động sản	37.8	-1.8%	1.0	510	1.8	5,261	7.2	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.3	-1.5%	1.4	373	0.4	3,744	4.3	1.0	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.3	0.0%	1.3	471	1.4	1,997	10.7	1.2	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.3	0.0%	1.0	245	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.7	-0.7%	1.4	301	0.6	1,434	15.8	1.6	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.4	0.0%	0.8	1,663	2.0	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.0	0.0%	0.4	476	0.0	4,156	10.6	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.1	0.8%	1.5	8,413	0.8	6,066	16.7	4.3	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	56.9	-1.6%	1.5	2,946	1.4	3,350	17.0	3.4	13.4%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.7	1.6%	1.7	389	2.0	2,397	7.8	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	0.0%	0.8	1,308	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.0	-0.4%	0.5	517	0.0	4,616	19.7	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.5	-2.0%	0.7	246	0.3	853	16.9	0.7	19.0%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.4%	0.6	170	0.1	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	84.6	0.1%	1.3	13,642	2.8	4,729	17.9	4.1	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.0	-0.6%	1.5	6,094	1.9	2,091	19.6	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.2	-0.7%	1.6	3,424	2.1	1,470	14.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.2	0.5%	1.2	2,371	4.5	2,989	7.4	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.8	-0.7%	1.1	2,258	3.0	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	24.0	1.3%	1.1	1,692	5.1	4,469	5.4	1.3	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	54.8	0.0%	0.9	195	0.6	5,017	10.9	1.9	78.5%	17.1%
NTP	Nhựa	40.4	2.3%	0.3	157	0.2	4,490	9.0	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	0.6%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.5	-1.8%	1.0	2,581	3.7	2,760	7.8	1.3	37.7%	19.9%
HSG	Thép	7.4	2.5%	1.5	136	1.0	425	17.4	0.6	17.4%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	127.0	0.0%	0.8	9,615	2.4	5,465	23.2	7.8	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	255.3	0.0%	0.8	7,118	0.2	6,735	37.9	9.3	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	0.0%	1.2	3,913	1.4	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.3%	0.5	458	1.2	542	33.1	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	76.2	1.6%	0.8	7,213	0.5	2,630	29.0	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	137.5	0.1%	1.1	3,132	3.0	9,850	14.0	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.5	1.9%	1.7	2,186	1.7	1,747	20.3	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.5	0.4%	0.8	342	0.5	1,888	14.0	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.1	1.5%	0.6	209	0.4	2,435	7.0	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	94.2	0.0%	0.9	642	0.5	7,667	12.3	4.8	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-4.5%	0.8	372	0.2	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.0%	0.8	259	0.1	1,657	9.4	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	89.8	-0.2%	0.7	298	0.1	13,535	6.6	0.9	48.8%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.6	-2.2%	1.1	511	0.7	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.4	-1.4%	0.5	263	0.9	387	63.1	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	12.9	0.4%	0.6	1,313	1.2	820	15.7	1.2	14.5%	7.8%
NT2	Điện	23.7	-0.8%	0.6	296	0.1	2,241	10.6	1.7	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	101.10	0.80	0.45	173870.00
VRE	32.40	1.25	0.28	3.10MLN
HVN	35.45	1.87	0.27	1.07MLN
VCB	84.60	0.12	0.11	753670.00
VPB	22.20	0.45	0.07	4.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.00	1.27	0.50	4.85MLN
PVS	18.70	1.63	0.08	2.48MLN
DL1	24.20	5.22	0.06	100.00
NTP	40.40	2.28	0.03	132300.00
CTX	13.60	9.68	0.03	10300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	56.90	-1.56	-0.34	559760.00
HPG	21.50	-1.83	-0.33	3.93MLN
NVL	61.30	-1.61	-0.27	361150.00
BID	41.00	-0.61	-0.25	1.05MLN
CTG	21.15	-0.70	-0.17	2.29MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	26.60	-2.21	-0.04	641000.00
MBG	32.00	-3.90	-0.03	265700.00
PVX	1.20	-7.69	-0.02	233500.00
C69	23.20	-9.73	-0.02	297000.00
PGS	30.50	-1.61	-0.02	1700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BRC	10.75	6.97	0.00	10.00
OPC	48.45	6.95	0.03	1000.00
TMT	5.56	6.92	0.00	4720.00
HTL	17.05	6.90	0.00	10.00
NAV	8.23	6.88	0.00	1760.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	93300.00
DST	1.10	10.0	0.00	162200.00
PTS	5.50	10.0	0.00	1000.00
VMS	7.70	10.0	0.00	100.00
DC2	5.60	9.8	0.00	57500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPK	2.79	-7.00	0.00	11570.00
TPC	9.86	-6.98	-0.01	500.00
AGF	2.70	-6.90	0.00	2670.00
TCO	12.20	-6.87	-0.01	90.00
CCI	15.10	-6.79	-0.01	60.00

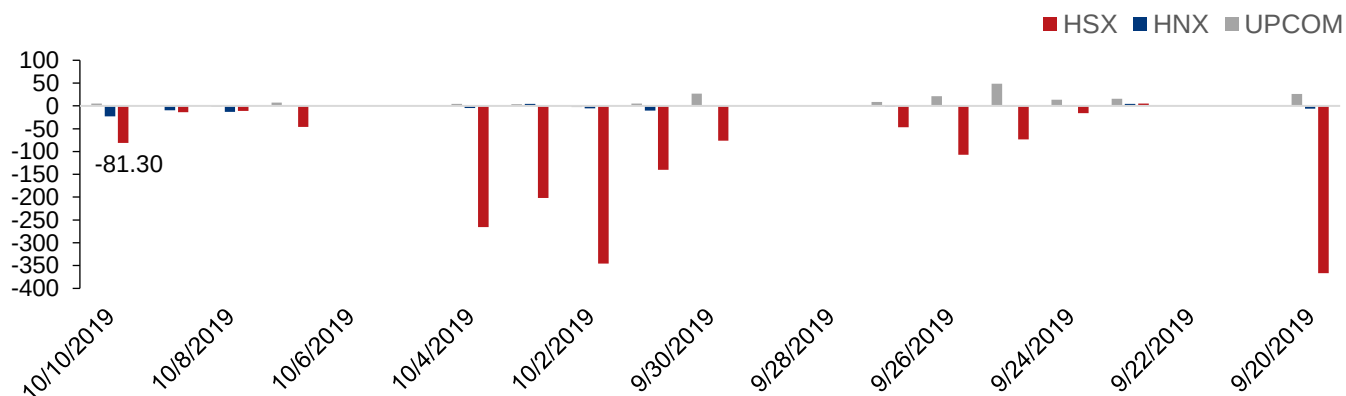
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAP	14.00	-12.50	-0.01	100.00
LUT	2.70	-10.00	0.00	200.00
SDA	2.70	-10.00	-0.01	300.00
SGH	50.70	-9.95	-0.01	100.00
HPM	9.10	-9.90	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



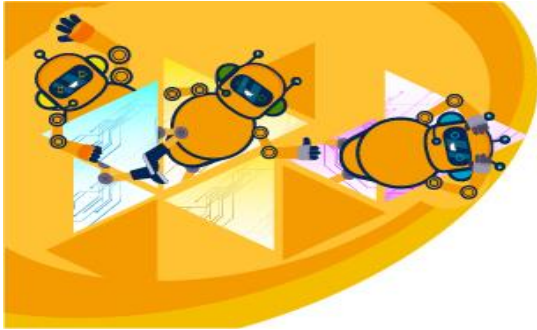
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.4	3,672	10.5	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	77.0	3,304	23.3	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	127.0	5,465	23.2	7.8	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.8	5,261	7.2	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.1	18,865	4.1	1.6	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.1	2,076	4.4	0.6	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.0	4,469	5.4	1.3	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.5	1,098	13.2	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	84.6	4,729	17.9	4.1	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.6	1,295	18.2	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.8	3,215	7.1	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	56.4	2,801	20.1	3.3	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.5	1,888	14.0	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.9	3,705	7.5	2.0	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.4	4,349	13.0	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.6	7,893	15.7	5.3	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	79.1	4,727	16.7	4.3	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	7/1/2019	58.0	61.4	55.4	5,276	10.5	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn